

Số 04/MBN-CBTT

Bắc Ninh, ngày 30 tháng 6 năm 2024

THÔNG BÁO THAY ĐỔI NHÂN SỰ

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Căn cứ Nghị quyết HĐQT số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/6/2024, chúng tôi trân trọng thông báo việc thay đổi nhân sự của Công ty CP Môi trường và công trình đô thị Bắc Ninh như sau:

1. Trường hợp bổ nhiệm:

* Ông: Trần Đức Tinh

- Chức vụ trước khi được bổ nhiệm: Phó trưởng phòng Kinh Doanh.

- Chức vụ bổ nhiệm: Thành viên Ban kiểm soát.

- Thời hạn: nhiệm kỳ BKS (2022-2027).

- Ngày bắt đầu có hiệu lực: ngày 29/6/2024.

2. Trường hợp miễn nhiệm:

* Bà Nguyễn Thị Trang

- Không còn đảm nhận nhiệm vụ Thành viên Ban kiểm soát.

- Lý do: Chuyển công tác và có đơn từ chức.

- Ngày bắt đầu có hiệu lực: ngày 29/6/2024.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 30/6/2024 tại đường dẫn <http://moitruongdothibacninh.com.vn> chuyên mục Quan hệ cổ đông/Thông tin chung.

*** Tài liệu đính kèm:**

- NQ của ĐHĐCĐ số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ
ngày 29/6/2024

- Bản cung cấp thông tin

Đại diện tổ chức
Người được UQCBTT



Nguyễn Trường Giang

Số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ

Bắc Ninh, ngày 29 tháng 6 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẮC NINH

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019;
Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;
Căn cứ Điều lệ Công ty CP Môi trường và công trình đô thị Bắc Ninh;
Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 01/2024/BB-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 6 năm 2024,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo tổng kết hoạt động năm 2023 và Phương hướng hoạt động năm 2024 của Hội đồng quản trị.

Điều 2. Thông qua Báo cáo Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch năm 2024.

2.1. Kết quả năm 2023:

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	TH năm 2022	Năm 2023		So sánh (%)	
				KH	TH	Với TH năm 2022	Với KH năm 2023
A	B	C	1	2	3	4=3/1	5=3/2
1	Vốn điều lệ	trđ	57.500	57.500	57.500	100	100
2	Tổng doanh thu	trđ	149.680,09	125.256,1	145.170,62	96,98	115,89
-	Sản xuất cung ứng dịch vụ công	trđ	86.733,43	92.714,64	85.762	98,88	92,5
-	Thu giá dịch vụ VSMT	trđ	17.552,81	19.341,81	18.558	105,73	95,95
-	Tiền điện CSCC + tiền nước sạch phục vụ đài phun nước	trđ	17.354,25	4.200,00	4.141	23,86	98,6
-	DV khác	trđ	27.739,58	8.899,65	36.066,37	130,02	405,25
-	Doanh thu hoạt động tài chính	trđ	300,02	100,00	643,25	214,3	643,25
3	Tổng chi phí	trđ	149.298,72	122.915,50	143.364,69	96,02	116,63

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	TH năm 2022	Năm 2023		So sánh (%)	
				KH	TH	Với TH năm 2022	Với KH năm 2023
A	B	C	1	2	3	4=3/1	5=3/2
4	Lợi nhuận trước thuế	trđ	381,37	2.340,6	1.805,93	473,53	77,15
5	Lợi nhuận sau thuế	trđ	267,27	1.872,5	1.332,47	498,54	71,16
6	Lao động bình quân	Người	583	574	645	110,6	112,36
7	Tổng quỹ lương	trđ	48.113,56	53.294,00	56.503,5	117,44	106,02
8	Tiền lương bình quân	Trđ/ng/th	6,877	7,737	7,300	106,15	94,35
9	Thu nhập bình quân	Trđ/ng/th	7,187	8,051	7,300	101,57	90,67
10	Tổng CP/doanh thu	%	99,75	98,10	98,75	98,99	100,66
11	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	%	0,46	3,26	2,3	500,0	70,55
12	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu	%	0,18	1,49	0,92	511,1	61,74
13	Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	0,00	2,00	0		

2.2. Kế hoạch năm 2024:

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2024	So sánh với TH năm 2023 (%)
A	B	C	1	2=1/TH 2023
1	Vốn điều lệ	Trđ	57.500	100,00
2	Tổng doanh thu	Trđ	72.166,177	49,71
-	Hợp đồng sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công 3 tháng đầu năm 2024 trên địa bàn Thành phố Bắc Ninh (trừ đường TL295B đoạn từ Km142+650 đến Km 144+650)	Trđ	24.802	
-	Doanh thu dịch vụ 8 gói (dự án) phát sinh năm 2023 chuyển sang năm 2024	Trđ	1.338,23	
-	Hợp đồng cung ứng sản phẩm, dịch vụ công trên địa bàn thị xã Thuận Thành	Trđ	30.521	
-	Hợp đồng dịch vụ vận chuyên, xử lý rác các doanh nghiệp..., nhân công đẩy xe gom	Trđ	9.420,743	
-	Doanh thu dịch vụ mai táng, cải táng, tang lễ	Trđ	500,692	
-	Thu giá DVVSM (XN môi trường)	Trđ		

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2024	So sánh với TH năm 2023 (%)
	<i>Thu giá DVVSMT hộ gia đình, hộ phòng trọ, kinh doanh (3 tháng đầu năm)</i>	Trđ	2.338,563	
-	Hợp đồng dịch vụ vận chuyển, xử lý rác các cơ quan hành chính, chung cư, đơn vị có khối lượng	Trđ	507,689	
-	Hợp đồng vận chuyển rác thải, duy trì cây xanh cho Công ty CPMT và CTĐT An Hưng Group (từ 01/4 đến hết 31/12/2024)	Trđ	1.741,44	
-	Hợp đồng cho Công ty CPMT và CTĐT An Hưng Group thuê xe ba bánh (từ 01/4 đến hết 31/12/2024)	Trđ	334,62	
-	Hợp đồng vận chuyển rác thải cho Công ty CPMT Thuận Thành (từ 15/4 đến hết 31/12/2024)	Trđ	537,2	
-	Doanh thu TC + thu nhập khác	Trđ	124	
3	Tổng chi phí	Trđ	81.843,033	57,08
4	Lợi nhuận trước thuế	Trđ	-9.676,856	
5	Lợi nhuận sau thuế	Trđ		
6	Lao động bình quân	Người	224	34,72
7	Tổng quỹ lương	Trđ	13.921,69	24,63
8	Tiền lương bình quân	Trđ/ng/th	5,179	70,94
9	Thu nhập bình quân	Trđ/ng/th	5,179	70,94
10	Tổng CP/doanh thu	%	113,4	114,83
11	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	%		
12	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu	%		
13	Tỷ lệ chi trả cổ tức	%		

Điều 3. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát.

Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam tiến hành kiểm toán theo đúng chuẩn mực quy định, được Ban Kiểm soát thẩm định và Công ty công bố trên website: <http://moitruongdothibacninh.com.vn/> Quan hệ cổ đông/Báo cáo tài chính. Với một số chỉ tiêu cơ bản dưới đây:

Stt	Các chỉ tiêu	ĐVT	Giá trị
1	Tổng tài sản	Đồng	172.907.714.297
2	Nợ phải trả	Đồng	32.159.435.511
3	Vốn chủ sở hữu	Đồng	140.748.278.786
4	Tổng doanh thu	Đồng	145.170.630.084
5	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	1.805.936.174
6	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	1.332.472.696
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	231,7

Điều 5. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2023.

TT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
I	Lợi nhuận	
1	Lợi nhuận trước thuế	1.805.936.174
2	Thuế TNDN phải nộp	473.463.478
3	Lợi nhuận sau thuế	1.332.472.696
4	Chi thù lao thành viên HĐQT, BKS không trực tiếp tham gia điều hành tại công ty	124.800.000
5	Lợi nhuận được phân phối (5=3-4)	1.207.672.696
III	Phân phối lợi nhuận	1.207.672.696
I	Trích lập các quỹ	1.207.672.696
1.1	Quỹ đầu tư phát triển (0% x III)	0
1.2	Quỹ khen thưởng phúc lợi (1-1.1)	1.207.672.696
2	Chia cổ tức cho cổ đông bằng tiền	0

Điều 6. Thông qua Quyết toán thù lao, tiền lương HĐQT, BKS, Ban giám đốc, thư ký công ty năm 2023 và kế hoạch năm 2024.

6.1. Phê duyệt Quyết toán năm 2023:

a) Tổng mức chi thù lao thành viên HĐQT, BKS, Thư ký công ty:

STT	Chức danh	Số lượng thành viên	Số tháng làm việc	Mức thù lao (đ/tháng)	Thù lao năm (đ)
1	Thành viên HĐQT	3	12	3.800.000	136.800.000
2	Thành viên HĐQT	1	4	3.800.000	15.200.000
3	Thành viên BKS	2	12	2.800.000	67.200.000
4	Thư ký công ty	1	12	2.800.000	33.600.000
	Tổng cộng:				252.800.000

b) Tổng mức chi tiền lương Chủ tịch HĐQT, Trưởng ban kiểm soát làm việc chuyên trách và Ban giám đốc công ty:

TT	Chức danh	Số lượng thành viên	Số tháng làm việc	Mức lương (đ/tháng)	Mức lương năm (đ)
1	Chủ tịch HĐQT	1	12	24.000.000	288.000.000
2	Giám đốc công ty	1	11	19.200.000	211.200.000
3	Trưởng BKS chuyên trách	1	12	16.500.000	198.000.000
4	Phó GD công ty (1 phó giám đốc hưởng lương phó giám đốc 1 tháng)	1	13	16.500.000	214.500.000
6	Kế toán trưởng, (Phụ trách kế toán)	1	12	16.500.000	198.000.000
	Tổng cộng:	5			1.109.700.000

6.2. Kế hoạch chi trả năm 2024:

a) Thù lao thành viên HĐQT, BKS, Thư ký công ty:

STT	Chức danh	Số lượng thành viên	Số tháng làm việc	Mức thù lao (đ/tháng)	Thù lao năm 2022(đ)
1	Thành viên HĐQT	3	12	2.500.000	90.000.000
2	Thành viên BKS	2	12	1.500.000	36.000.000
3	Thư ký công ty	1	12	1.500.000	18.000.000
	Tổng cộng:				144.000.000

b) Tiền lương Chủ tịch HĐQT, Trưởng ban kiểm soát làm việc chuyên trách và Ban giám đốc công ty:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số tháng	Mức lương (đ/tháng)	Mức lương năm (đ)
1	Nguyễn Thế Công	Chủ tịch HĐQT	12	19.200.000	230.400.000
2	Nguyễn Đình Thu	Phó giám đốc phụ trách công ty	12	15.360.000	184.320.000
3	Vũ Đăng Thành	Phó giám đốc công ty	10	13.200.000	132.000.000
4	Phạm Nhật Quang	Phó GD công ty	12	13.200.000	158.400.000
5	Đặng Thị Thuý	Trưởng BKS	12	13.200.000	158.400.000
6	Nghiêm Thị Oanh	Phụ trách kế toán	12	13.200.000	158.400.000
	Tổng cộng:				1.021.920.000

c) Tiền thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động của HĐQT, Ban kiểm soát: Ủy quyền cho HĐQT quyết định.

Điều 7. Thông qua tiêu chí, danh sách đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 do Ban kiểm soát trình, cụ thể:

1. Danh sách 3 đơn vị:

- Công ty TNHH kiểm toán VACO
- Công ty TNHH Kiểm toán AASC
- Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam.

2. Ủy quyền cho HĐQT quyết định việc lựa chọn một trong các đơn vị kiểm toán nêu trên theo đề xuất của Ban kiểm soát và giao cho Chủ tịch HĐQT ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với đơn vị kiểm toán được chọn để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của công ty.

Điều 8. Thông qua Quy chế bầu cử bổ sung thành viên, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027.

Điều 9. Thông qua danh sách ứng cử thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027

Điều 10. Thông qua danh sách trúng cử thành viên thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027: Ông Trần Đức Tinh - Phó trưởng phòng Kinh doanh

Điều 11. Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua và có hiệu lực từ ngày 29/6/2024. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và những người có liên quan có trách nhiệm thi hành nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như điều 12;
- Cổ đông công ty (qua Website);
- Lưu HS, Thư ký.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



Nguyễn Thế Công

Phụ lục III
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày 30 tháng 6 năm 2023

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN

- 1/ Họ và tên: TRẦN ĐỨC TỈNH
2/ Giới tính: Nam
3/ Ngày tháng năm sinh: 15/03/1980
4/ Nơi sinh: Dương Lôi, phường Tân Hồng, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.
5/ Số CMND/CCCD: 027080012605 Ngày 18/12/2021 Nơi cấp Cục cảnh sát QLHC về TTXH
6/ Quốc tịch: Việt Nam
7/ Dân tộc: Kinh
8/ Địa chỉ thường trú: Số nhà 21, phố Lê Thanh Nghị, phường Kinh Bắc, TP Bắc Ninh.
9/ Số điện thoại: 0983578784
10/ Địa chỉ email: tinhurencobn@gmail.com
11/ Quá trình công tác:

Năm 2004 tôi được tuyển dụng vào Công ty làm việc tại đội xe và sửa chữa và được giao nhiệm vụ Cb thống kê, cấp nhiên liệu và ký hợp đồng vận chuyển rác thải các cơ quan đơn vị trên địa bàn thành phố sau này là xí nghiệp vận tải. Đến năm 2016 tôi được điều động sang xí nghiệp kinh doanh dịch vụ làm đội trưởng đội thị trường. Năm 2020 tôi được bổ nhiệm làm phó giám đốc xí nghiệp kinh doanh dịch vụ phụ trách hoạt động kinh doanh của xí nghiệp và công tác cho đến nay.

12/ Chức vụ hiện nay tại Công ty CP Môi trường và công trình đô thị Bắc Ninh: Phó phòng Kinh doanh

13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

14/ Số CP nắm giữ: 1.200 chiếm 0,02 % vốn điều lệ, trong đó:

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu:

+ Cá nhân sở hữu:

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có):

16/ Danh sách người có liên quan của người khai*:

Stt	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ	Số CMND/CC CD/Giấy ĐKKD, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú (về việc không có sổ Giấy NSH và các ghi chú khác)
1	3	4	5	6	7	11	12	13	17
1	Trần Đức Đông			Bố đẻ	027059002 007 cấp ngày 16/4/2021, cấp tại cục cảnh sát QLHC và TTXH	Phường Kinh Bắc, TP Bắc Ninh			

Stt	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ	Số CMND/CC CD/Giấy ĐKKD, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác)
2	Nguyễn Thị Dung			Mẹ đẻ	027159005021 cấp ngày 25/7/2022, cấp tại cục canh sát QLHC và TTXH	Phường Kinh Bắc, TP Bắc Ninh			
3	Nguyễn Thị Nhung			Vợ	027184016066 cấp ngày 18/12/2021, cấp tại cục canh sát QLHC và TTXH	Phường Kinh Bắc, TP Bắc Ninh			
4	Trần Minh Ngọc			Con đẻ	027307012733 cấp ngày 18/12/2021, cấp tại cục canh sát QLHC và TTXH	Phường Kinh Bắc, TP Bắc Ninh			
5	Trần Đức Nghĩa			Con đẻ		Phường Kinh Bắc, TP Bắc Ninh			
6	Trần Đức Thành			Em ruột	027083012784 cấp ngày 15/4/2022, cấp tại cục canh sát QLHC và TTXH	Phường Tân Hồng, TP Từ Sơn			
7	Trần Thị Dịu			Em ruột	027186013231 cấp ngày 10/5/2021, cấp tại cục canh sát QLHC và TTXH	Phường Đông Ngàn, TP Từ Sơn			
8	Nguyễn Ninh			Em rể	001076033420 cấp ngày 22/4/2021, cấp tại cục canh sát QLHC và TTXH	Phường Đông Ngàn, TP Từ Sơn			
9	Lê Thị Yến			Em dâu	027185003881 cấp ngày 25/4/2021, cấp tại cục canh sát	Phường Tân Hồng, TP Từ Sơn			

Stt	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ	Số CMND/CC CD/Giấy ĐKKD, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác)
					QLHC và TTXH				
10	Nguyễn Đình Tam			Bố vợ đã mất					
11	Nguyễn Thị Chung			Mẹ vợ đã mất					

*** Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019.**

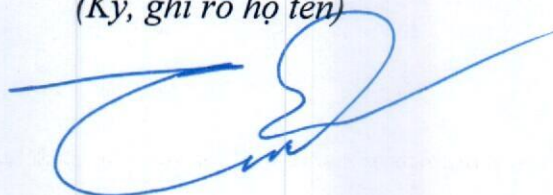
17/ Lợi ích liên quan đối với công ty (nếu có):

18/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty (nếu có):

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

NGƯỜI KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên)



Trần Đức Tĩnh